

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định về mức hỗ trợ, mức đóng góp đối với người cai nghiện
ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập
và tại gia đình, cộng đồng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Khoản 2, Điều 3; Khoản 3, Điều 4 và Điều 7 Thông tư số 124/2018/TT-BTC, ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét Tờ trình số 90/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ, mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và tại gia đình, cộng đồng; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về mức hỗ trợ, mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và tại gia đình, cộng đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa IX, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ LĐTBXH, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Tỉnh ủy, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND, ĐĐBQH tỉnh;
- Các Sở: LĐTBXH, Tài chính, Tư pháp;
- HĐND, UBND cấp huyện;
- Công báo tỉnh, Trang tin HĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Đã ký: Bùi Văn Nghiêm

QUY ĐỊNH

**Về mức hỗ trợ, mức đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện
tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và tại gia đình, cộng đồng**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 181/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm
2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

**Điều 1. Quy định đối tượng được hỗ trợ và mức hỗ trợ đối với người cai
nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập**

1. Người nghiện ma túy có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long tự nguyện cai nghiện từ 06 tháng trở lên được hỗ trợ 01 lần duy nhất, gồm các khoản chi phí như sau:

a) Hỗ trợ 100% tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần.

b) Hỗ trợ tiền ăn hàng tháng, tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân bằng 70% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ.

c) Hỗ trợ 100% chi phí chỗ ở.

2. Ngoài các nội dung hỗ trợ theo quy định tại Khoản 1 Điều này, người nghiện ma túy có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long thuộc các đối tượng sau đây tự nguyện cai nghiện từ 06 tháng trở lên được hỗ trợ 100% chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập:

a) Thương binh;

b) Người bị nhiễm chất độc hóa học và suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

c) Người thuộc hộ nghèo;

d) Người cao tuổi cô đơn không nơi nương tựa;

đ) Trẻ em mồ côi;

e) Người khuyết tật nặng và đặc biệt nặng;

g) Người thuộc gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

h) Người dưới 16 tuổi;

i) Người thuộc diện bảo trợ xã hội;

k) Người thuộc hộ cận nghèo.

Điều 2. Quy định các khoản đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập

1. Đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1 phải đóng góp các khoản chi phí sau:

a) Tháng thứ nhất

- Tiền ăn: 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ;

- Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường: Theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp;

- Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế: Theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ;

- Sinh hoạt văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài giờ học tập và lao động (nếu có): 70.000 đồng/năm;

- Điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/tháng;

- Phục vụ, quản lý: 300.000 đồng/tháng;

- Tiền chăn màn, chiếu, gối, quần áo, dép, đồ dùng phục vụ sinh hoạt cá nhân, băng vệ sinh (đối với học viên nữ): 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ.

b) Từ tháng thứ hai trở đi

- Tiền ăn: 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ;

- Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường: Theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp;

- Chi phí học nghề (nếu có): Theo quy định về thời gian đào tạo và định mức chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng áp dụng trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn và đào tạo nghề cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- Điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/tháng;

- Phục vụ, quản lý: 300.000 đồng/tháng.

2. Đối tượng quy định tại Khoản 2, Điều 1 phải đóng góp các khoản chi phí sau:

a) Tháng thứ nhất

- Tiền ăn: 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ;

- Sinh hoạt văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài giờ học tập và lao động (nếu có): 70.000 đồng/năm;

- Điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/tháng;

- Phục vụ, quản lý: 300.000 đồng/tháng;

- Tiền chăn màn, chiếu, gối, quần áo, dép, đồ dùng phục vụ sinh hoạt cá nhân, băng vệ sinh (đối với học viên nữ): 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ.

b) Từ tháng thứ hai trở đi

- Tiền ăn: 30% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ;

- Chi phí học nghề (nếu có): Theo quy định về thời gian đào tạo và định mức chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng áp dụng trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn và đào tạo nghề cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- Điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/tháng;

- Phục vụ, quản lý: 300.000 đồng/tháng.

3. Người nghiện ma túy có hộ khẩu thường trú trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long cai nghiện từ lần thứ hai trở đi và người nghiện ma túy ngoài tỉnh tự nguyện cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long được hỗ trợ về chỗ ở và phải đóng góp các khoản chi phí sau:

a) Tháng thứ nhất

- Tiền ăn: 100% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ;

- Tiền thuốc cắt cơn, giải độc, điều trị rối loạn tâm thần: Theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn chứng từ hợp pháp;

- Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế: Theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ;

- Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường: Theo

chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp;

- Sinh hoạt văn nghệ, thể dục, thể thao, đọc sách, báo, xem truyền hình và các hoạt động vui chơi giải trí khác ngoài giờ học tập và lao động (nếu có): 70.000 đồng/năm;

- Điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/tháng;

- Phục vụ, quản lý: 300.000 đồng/tháng;

- Tiền chăn màn, chiếu, gối, quần áo, dép, đồ dùng phục vụ sinh hoạt cá nhân, băng vệ sinh (đối với học viên nữ): 100% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ.

b) Từ tháng thứ hai trở đi

- Tiền ăn: 100% định mức đối với người nghiện ma túy bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc quy định tại Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ;

- Chi phí điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường: Theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp;

- Chi phí học nghề (nếu có): Theo quy định về thời gian đào tạo và định mức chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 03 tháng áp dụng trong đào tạo nghề cho lao động nông thôn và đào tạo nghề cho người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ;

- Điện, nước sinh hoạt: 80.000 đồng/tháng;

- Phục vụ, quản lý: 300.000 đồng/tháng.

Điều 3. Quy định đối tượng được hỗ trợ và nội dung hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Đối tượng hỗ trợ

a) Người thuộc hộ nghèo;

b) Người thuộc gia đình chính sách theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

c) Người chưa thành niên;

d) Người thuộc diện bảo trợ xã hội;

đ) Người khuyết tật.

2. Nội dung và mức hỗ trợ: Các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều này được hỗ trợ một lần tiền thuốc cắt cơn nghiện ma túy bằng mức hỗ trợ đối với các đối tượng cai nghiện ma túy tự nguyện trong cơ sở cai nghiện ma túy công lập.

Điều 4. Quy định các khoản đóng góp của người cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng

1. Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sĩ để chuẩn bị cắt con: Theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ.

2. Thuốc cắt con, giải độc và điều trị rối loạn tâm thần (trừ các trường hợp quy định tại Điều 3): Theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp.

3. Tiền ăn trong thời gian cai nghiện tập trung tại Cơ sở điều trị cắt con: thực hiện theo Khoản 6, Điều 1 Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ và tính trên số ngày thực tế.

4. Chi phí cho các hoạt động giáo dục, phục hồi hành vi nhân cách, dạy nghề, tạo việc làm cho người sau cai nghiện (nếu có): 200.000 đồng/đợt.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện việc hỗ trợ người cai nghiện ma túy tự nguyện tại cơ sở cai nghiện ma túy công lập và tại gia đình, cộng đồng do ngân sách địa phương bảo đảm theo phân cấp của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 6. Quy định về việc áp dụng các văn bản được dẫn chiếu

Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung thay thế đó./.

CHỦ TỊCH

Đã ký: Bùi Văn Nghiê